

Số: /QĐ-ĐS

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế bồi thường chậm tàu và tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng trong việc thực hiện Biểu đồ chạy tàu trên Đường sắt Việt Nam"

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BGTVT ngày 02/3/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận chuyển hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 23/2018/TT-BGTVT ngày 04/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT ngày 07/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị chạy chung với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Tờ trình số 2550/TTr-ĐS ngày 23/9/2021 về việc ban hành Quy chế bồi thường chậm tàu và tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng trong việc thực hiện biểu đồ chạy tàu trên Đường sắt Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế bồi thường chậm tàu và tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng trong việc thực hiện Biểu đồ chạy tàu trên Đường sắt Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 1583/QĐ-ĐS ngày 23/11/2016 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc ban hành "Quy chế bồi thường chậm tàu và tổn thất năng lực kết cấu hạ tầng trong việc thực hiện biểu đồ chạy tàu trên ĐSVN".

Điều 3. Ban Tổng giám đốc, Chánh văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty; Giám đốc Trung tâm Điều hành vận tải Đường sắt; Giám đốc các Chi nhánh Khai thác Đường sắt, Chi nhánh ga Đồng Đăng, các Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện biểu đồ chạy tàu trên Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN ĐSVN;
- Thành viên HĐTV TCT ĐSVN;
- Kiểm soát viên TCT ĐSVN;
- Lưu: VT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

Vũ Anh Minh

QUY CHẾ

**Bồi thường chậm tàu và tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng
trong việc thực hiện Biểu đồ chạy tàu trên Đường sắt Việt Nam**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐS ngày tháng năm 2021
của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc bồi thường thiệt hại trong việc gây chậm tàu, không thực hiện đúng biểu đồ chạy tàu (BDCT) và gây tổn thất về năng lực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Việc bồi thường thiệt hại khác mà không phải là chậm tàu, tổn thất về năng lực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt được áp dụng theo các quy định hiện hành khác của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (viết tắt là ĐSVN) và quy định của Pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân trực thuộc ĐSVN;
- Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do có hoạt động gây ảnh hưởng đến việc thực hiện BDCT trên đường sắt quốc gia do ĐSVN quản lý, làm chậm tàu và tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Biểu đồ chạy tàu (viết tắt là BDCT) là cơ sở của việc tổ chức chạy tàu được xây dựng hằng năm, hằng kỳ và theo mùa cho từng tuyến và toàn mạng đường sắt, trong đó:

- BDCT dài hạn (hằng năm, kỳ và theo mùa) được ĐSVN xây dựng và ban hành;
- BDCT kế hoạch ngày là kế hoạch chạy tàu do Trung tâm Điều hành vận tải Đường sắt (viết tắt là TTĐH) xây dựng hàng ngày được cấp có thẩm quyền của ĐSVN ký duyệt;
- BDCT thực hiện là: BDCT được nhân viên điều độ tại TTĐH, ghi chép lại toàn bộ diễn biến của công tác tổ chức chạy tàu và các thông tin liên quan theo quy định.

2. Năng lực khai thác kết cấu hạ tầng

a) Năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt là khả năng thông qua của kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định bởi các yếu tố tải trọng trục, tải trọng rải đều, tốc độ chạy lớn nhất (Vmax) trên một đoạn tuyến đường sắt, của nhà ga, của hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt.

b) Năng lực thông qua là số đôi tàu, đoàn tàu hoặc toa xe lớn nhất có thể thông qua khu đoạn hoặc tuyến đường trong một khoảng thời gian nhất định (ngày đêm hoặc giờ), xác định bởi năng lực thông qua khu gian và năng lực thông qua ga.

3. Chậm tàu là tàu có hành trình bị chậm so với hành trình quy định của BĐCT hiện hành, thời gian chậm tàu được tính theo đơn vị phút.

4. Các việc làm sau đây được hiểu là không thực hiện đúng quy định BĐCT:

- a) Không thực hiện đủ hành trình đã đăng ký trong kỳ kế hoạch BĐCT;
- b) Đăng ký lịch chạy tàu theo tháng nhưng không chạy đúng lịch;
- c) Bỏ tàu khi đã xây dựng xong kế hoạch chạy tàu ngày.

5. Tồn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng là sự giảm sút năng lực thông qua, năng lực đón gửi tàu, năng lực đường xếp dỡ và năng lực kết cấu hạ tầng khác. Các việc làm sau đây được coi là các vi phạm làm tồn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng:

- a) Toa xe làm tác nghiệp chiếm dụng đường xếp dỡ quá thời gian quy định;
- b) Thi công duy tu bảo dưỡng sửa chữa, nâng cấp, thay thế các công trình đường sắt sai quy định gây chậm tàu, phải ngừng sử dụng đường xếp dỡ;
- c) Thi công các công trình không phải của đường sắt hoặc có các hoạt động sản xuất kinh doanh ở khu vực lân cận có ảnh hưởng đến hoạt động đường sắt phải giảm tốc độ hoặc đình chỉ thiết bị phục vụ chạy tàu;
- d) Các hoạt động khác của các tổ chức, cá nhân làm ảnh hưởng đến hoạt động đường sắt như: ô tô đỗ, chết máy vi phạm khổ giới hạn đường sắt, chặn thả trâu bò, để các vật liệu rơi vãi, để máy móc thiết bị, vật tư vật liệu.v.v. làm ảnh hưởng đến hoạt động đường sắt;
- e) Điều hành chạy tàu không đúng, chạy tàu không đúng quy định của BĐCT;
- f) Thực hiện các tác nghiệp không đúng quy trình, không đúng quy định làm ảnh hưởng đến việc thực hiện biểu đồ chạy tàu.

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường

1. Bên gây thiệt hại chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại. Trường hợp có nhiều bên cùng gây thiệt hại thì các bên cùng chịu trách nhiệm bồi thường theo tỉ lệ gây thiệt hại.

2. Miễn, giảm bồi thường thiệt hại

- a) Các thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc do lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không phải bồi thường;
- b) Vượt quá năng lực thông qua do nguyên nhân bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm bồi thường;
- c) Miễn, giảm bồi thường thiệt hại khi tổ chức, cá nhân bị thiệt hại đồng ý giảm hoặc thương lượng và thỏa thuận được mức độ bồi thường.

3. Cơ sở pháp lý của việc thực hiện bồi thường:

- a) Thỏa thuận trong các hợp đồng kinh tế, hợp đồng trách nhiệm hoặc các văn bản thỏa thuận khác có liên quan giữa ĐSVN và các đơn vị liên quan;
- b) Kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vi phạm gây thiệt hại.

4. Các Bên liên quan thực hiện việc thương lượng và thỏa thuận về mức độ bồi thường thiệt hại. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên liên quan xem xét đưa vụ việc để giải quyết tại cơ quan tòa án.

5. Các loại thiệt hại được tính ra đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

Chương II

XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI

Điều 5. Xác định thiệt hại chậm tàu theo BĐCT

1. Thời gian chậm tàu được tính từ khi đoàn tàu phải dừng lại đến khi đoàn tàu đó chạy lại hoặc đoàn tàu tại ga xuất phát phải lùi giờ xuất phát do sự việc, trở ngại, sự cố và tai nạn (có tính đến các đoàn tàu bị ảnh hưởng trong khu đoạn).

2. Lượng thiệt hại được xác định bằng số phút chậm tàu theo loại tàu khách và tàu hàng. Trong đó mỗi loại tàu đều bao gồm các loại chi phí thiệt hại như sau:

- a) Chi phí cho số phút chậm đầu máy;
- b) Chi phí điều hành cho số phút chậm tàu;
- c) Chi phí cho số phút chậm đoàn xe (xe khách, xe hàng).

Điều 6. Xác định thiệt hại do không tổ chức chạy tàu theo phân bổ BĐCT

Việc xác định thiệt hại do không tổ chức chạy tàu theo phân bổ BĐCT gây tổn thất, lãng phí năng lực kết cấu hạ tầng được tính như sau:

1. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện đủ số hành trình đã được phân bổ theo đăng ký của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trong một kỳ kế hoạch của BĐCT (tính theo thời hạn của hợp đồng điều hành) dẫn tới thiếu hụt sản lượng điều hành giao thông theo hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường. Mức bồi thường cụ thể được xác định trong Hợp đồng điều hành vận tải và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan giữa Tổng công ty và Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt.

2. Bãi bỏ tàu do ảnh hưởng các sự việc, trở ngại, tai nạn, sự cố do chủ quan gây ra.

3. Thiệt hại do phải bãi bỏ các đoàn tàu đã được xây dựng trong BĐCT kế hoạch ngày (24 giờ). Bên bãi bỏ tàu phải chịu trách nhiệm bồi thường theo mức như sau:

a) Khi bỏ tàu trong khoảng 13h00 đến 18h00 trước ngày thực hiện kế hoạch chạy tàu ngày chịu trách nhiệm bồi thường 10% chi phí điều hành giao thông vận tải đường sắt của đoàn tàu bãi bỏ đó;

b) Khi bỏ tàu trong khoảng thực hiện kế hoạch chạy tàu ngày đã được phê duyệt và triển khai đến các đơn vị liên quan (từ 18h00 ngày hôm trước đến 18h00 ngày hôm sau) thì chịu trách nhiệm bồi thường 30% chi phí điều hành giao thông vận tải đường sắt đoàn tàu bãi bỏ đó.

Điều 7. Thiệt hại do chiếm dụng đường xếp dỡ quá thời gian quy định

Xác định thiệt hại do chiếm dụng đường xếp dỡ quá thời gian quy định được thực hiện theo quy định của ĐSVN.

Chương III

PHÂN TÍCH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CHẬM TÀU VÀ TỔN THẤT NĂNG LỰC KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG

Điều 8. Xác định trách nhiệm bồi thường

1. Đối với thiệt hại về chậm tàu, tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt do sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, việc xác định bên gây thiệt hại căn cứ theo kết luận của Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt (Thông tư 23/2018/TT-BGTVT).

2. Đối với thiệt hại về chậm tàu, tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt do các sự việc, trở ngại không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, ĐSVN phân tích nguyên nhân sự việc, trở ngại để xác định bên gây ra thiệt hại, bên bị thiệt hại và mức độ thiệt hại.

3. Riêng trường hợp tai nạn, sự cố, trở ngại, sự việc có nguyên nhân do các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật (bên thứ ba) làm ảnh hưởng đến việc tổ chức chạy tàu thì căn cứ theo kết luận xử lý trách nhiệm của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 9. Thực hiện việc yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường

1. ĐSVN chịu trách nhiệm thực hiện việc yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường cho các đơn vị trực thuộc gồm:

- a) Các chi nhánh Khai thác đường sắt, Chi nhánh ga Đồng Đăng;
- b) Trung tâm ĐHVT Đường sắt;
- c) Các Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy.

2. Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt chịu trách nhiệm cho đơn vị cấp dưới và các cá nhân trực thuộc doanh nghiệp mình, các tổ chức, cá nhân khác ký hợp đồng với doanh nghiệp để thực hiện các công việc có liên quan đến việc tổ chức thực hiện BĐCT.

3. Các doanh nghiệp thực hiện việc bảo trì kết cấu hạ tầng chịu trách nhiệm cho các đơn vị cấp dưới và các cá nhân trực thuộc doanh nghiệp mình, các tổ chức, cá nhân khác ký hợp đồng với doanh nghiệp để thực hiện các công việc có liên quan đến việc tổ chức thực hiện BĐCT.

4. Các doanh nghiệp khác có kí hợp đồng với ĐSVN tham gia xây dựng công trình đường sắt, xây dựng hoặc thực hiện các công việc có ảnh hưởng liên quan đến thực hiện BĐCT phải chịu trách nhiệm toàn bộ khu vực thực hiện công việc thi công của mình gồm cả tổ chức, cá nhân là nhà thầu phụ, đơn vị cá nhân hợp đồng thuê lại với doanh nghiệp.

5. Các tổ chức, cá nhân khác làm ảnh hưởng đến BĐCT, làm chậm tàu, gây thiệt hại và làm tổn thất năng lực khai thác kết cấu hạ tầng trong việc thực hiện BĐCT thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Ghi chép thống kê thiệt hại

1. Các bộ phận tham gia chạy tàu có chức năng nhiệm vụ theo quy định nhưng không báo sự việc, trở ngại cho nhân viên điều độ chạy tàu, không giải quyết đúng quy định và giải quyết trở ngại, sự cố, tai nạn giao thông đường sắt thì bộ phận đó chịu trách nhiệm về thiệt hại. Nhân viên điều độ không ghi lý do thiệt hại vào BĐCT thực hiện theo quy định thì chịu trách nhiệm liên đới về thiệt hại.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ của mình, tổ chức, cá nhân nào không ghi chép thống kê đầy đủ đơn vị đó chịu trách nhiệm về thiệt hại.

Điều 11. Thu và chi trả bồi thường thiệt hại

1. Trước ngày 20 hằng tháng, ĐSVN đối chiếu thiệt hại chậm tàu với tổ chức, cá nhân vừa là bên gây thiệt hại, vừa là bên được bồi thường

2. ĐSVN bồi thường số phút chậm đoàn xe cho Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt khi tàu đến cuối hành trình.

3. Bên gây thiệt hại là bên thứ ba thì ĐSVN thu hộ (khi có thỏa thuận) và chỉ chi trả khi thu được tiền từ bên gây thiệt hại.

4. Trường hợp ĐSVN thương thảo mức bồi thường với bên thứ ba (là bên gây thiệt hại) thì bên bị thiệt hại có quyền lựa chọn một trong hai hình thức sau:

a) Chấp nhận tỷ lệ bồi thường mà ĐSVN thương lượng với bên thứ ba thì ĐSVN sẽ thu hộ và chi trả lại cho các bên bị thiệt hại theo tỉ lệ thiệt hại số tiền thực tế thu được;

b) Không chấp nhận tỷ lệ ĐSVN thương lượng thì Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt tự làm thủ tục yêu cầu bên thứ ba bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÌNH TỰ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Điều 12. Đối với ĐSVN

1. Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng ĐSVN (qua Ban Vận tải) tập hợp tài liệu, chứng cứ, xác định nguyên nhân thiệt hại gửi cho tổ chức, cá nhân gây ra thiệt hại dự kiến yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Từ ngày 11 đến ngày 20 hàng tháng, tổ chức, cá nhân gây ra thiệt hại kiểm tra, xác nhận thông tin, trao đổi với (qua Ban Vận tải) để thống nhất nguyên nhân và trách nhiệm bồi thường. Trường hợp các tổ chức, cá nhân không thống nhất về yêu cầu bồi thường thì có quyền yêu cầu bằng văn bản đối với ĐSVN để tổ chức hội nghị phân tích BĐCT để phân tích các vụ việc đó.

3. Sau ngày 20 hàng tháng, nếu tổ chức, cá nhân nhận được yêu cầu bồi thường mà không có ý kiến phản hồi bằng văn bản thì coi như yêu cầu đã được chấp thuận.

4. Yêu cầu bồi thường là một trong các căn cứ để tính toán, thanh toán...trong quá trình giải quyết bồi thường.

Điều 13. Đối với các tổ chức, cá nhân liên quan có thiệt hại

1. Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng các tổ chức, cá nhân có thiệt hại, tập hợp tài liệu, chứng cứ, thiệt hại của tháng trước đó, gửi về ĐSVN để xác định mức bồi thường được nhận. Sau ngày 10 hàng tháng, các tổ chức, cá nhân không gửi tập hợp thiệt hại coi như không có yêu cầu bồi thường.

2. Từ ngày 11 đến ngày 20 hàng tháng, ĐSVN tổ chức phân tích, xác định mức bồi thường và trả lời bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại. Trường hợp các tổ chức, cá nhân không thống nhất thì có thể yêu cầu ĐSVN tổ chức hội nghị phân tích thiệt hại đối với các vụ việc đó.

Điều 14. Đối với các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng, thực hiện hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt (trừ trường hợp bảo dưỡng thường xuyên)

1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu giảm tốc độ, phong tỏa để thi công, thực hiện hoạt động mà dẫn đến thiệt hại về BĐCT. ĐSVN căn cứ vào yêu cầu giảm tốc độ, phong tỏa khu gian, tính toán thiệt hại và yêu cầu được bồi thường trước khi thi công, thực hiện hoạt động. Việc thi công, thực hiện hoạt động chỉ được chấp thuận khi hoàn thành việc bồi thường.

2. Trường hợp chưa được ĐSVN chấp thuận mà vẫn tổ chức thi công, thực hiện hoạt động mà gây thiệt hại BĐCT thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm về bồi thường thiệt hại BĐCT.

Điều 15. Các trường hợp khác

1. Các thiệt hại liên quan đến các tổ chức, cá nhân là bên thứ ba (theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 của Quy chế này), tùy theo tính chất từng vụ việc, ĐSVN xác định mức yêu cầu bồi thường, trực tiếp hoặc ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc gửi thông báo yêu cầu bồi thường thiệt hại đến các tổ chức, cá nhân gây thiệt hại nội dung yêu cầu bồi thường và thương lượng với tổ chức cá nhân đó về nội dung bồi thường.

2. Trường hợp không thương lượng được mức bồi thường thì ĐSVN xem xét khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. Tổ chức hội nghị phân tích BĐCT

1. Trong trường hợp không thống nhất được nguyên nhân và quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì ĐSVN tổ chức hội nghị phân tích BĐCT, xác định nguyên nhân gây thiệt hại. Đề xuất tổ chức hội nghị phân tích BĐCT phải bằng văn bản và được gửi kèm các tài liệu, chứng cứ liên quan về ĐSVN.

2. Hội nghị được tổ chức chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày có yêu cầu tổ chức hội nghị phân tích BĐCT và phải được thông báo (hình thức gửi Fax hoặc thư điện tử) đến các bên liên quan ít nhất 05 ngày, trước ngày khai mạc hội nghị.

3. Thành phần tham gia hội nghị phân tích BĐCT gồm có đại diện các bên liên quan, do Lãnh đạo ĐSVN (hoặc người được ủy quyền) chủ trì. Tổ chức, cá nhân nào không cử đại diện hợp pháp đến dự phải chấp thuận kết quả phân tích của hội nghị. Tùy theo mức độ vụ việc yêu cầu bồi thường, chủ trì hội nghị phân tích BĐCT có thể mời chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm chấp hành kết quả của hội nghị phân tích BĐCT.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Giao Tổng giám đốc ĐSVN chỉ đạo:

1. Các Ban, Phân ban của ĐSVN trong quá trình tham mưu phải đưa Quy chế này vào điều khoản thực hiện hợp đồng cụ thể, các văn bản chấp thuận thi công, thực hiện hoạt động liên quan đến thực hiện BĐCT.

2. Các Ban của ĐSVN căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp tham mưu: Quản lý thu hồi tiền bồi thường thiệt hại và chi trả tiền bồi thường thiệt hại; đề xuất các biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại trong việc thực hiện BĐCT; đề xuất kỷ luật đối với lãnh đạo, cá nhân trong các đơn vị trực thuộc ĐSVN làm thiệt hại.

3. Ban Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với các Ban: ĐMTX; KHKD; ANAT Trung tâm ĐHVT và các Ban chuyên môn liên quan phân tích BĐCT theo quy định, xác định thiệt hại làm căn cứ để yêu cầu bồi thường;

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc ĐSVN cung cấp số liệu liên quan đến thiệt hại cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu để giải quyết bồi thường;

c) Tham mưu văn bản và thông báo trách nhiệm bồi thường thiệt hại đến các đơn vị liên quan;

d) Xác minh yêu cầu bồi thường thiệt hại của các Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;

e) Chủ trì mở hội nghị phân tích BĐCT;

f) Là đầu mối tiếp nhận yêu cầu bồi thường từ các tổ chức, cá nhân;

g) Thu thập các số liệu về thiệt hại;

h) Tập hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này trình Lãnh đạo ĐSVN xem xét chỉnh sửa cho phù hợp.

4. Ban Đầu máy toa xe:

a) Tham gia hội nghị phân tích BĐCT;

b) Phối hợp cùng các Ban, các tổ chức, cá nhân xác định thiệt hại có liên quan đến đầu máy, toa xe;

c) Chủ trì tham mưu xây dựng quy trình vận hành, biện pháp, giải pháp công nghệ lưu trữ dữ liệu vận hành đầu máy, chỉ đạo các Chi nhánh XNĐM lưu trữ dữ liệu vận hành đầu máy làm căn cứ phân tích nguyên nhân thiệt hại trong việc thực hiện BĐCT.

5. Ban An ninh - An toàn giao thông Đường sắt:

a) Tham gia hội nghị phân tích BĐCT;

b) Đề xuất khởi kiện các tổ chức cá nhân khi cần thiết;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết sự cố cho các tổ chức, cá nhân liên quan để giảm tối đa thiệt hại.

6. Ban Kế hoạch Kinh doanh:

a) Tham gia hội nghị phân tích BĐCT;

b) Tính toán và cung cấp mức chi phí quy định tại Điều 5, 6, 7 trong Quy chế này làm cơ sở tính giá trị bồi thường (trừ quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 5);

c) Thống kê, kiểm đếm việc thực hiện các hành trình của BĐCT quy định tại Khoản 1 Điều 6;

d) Hàng năm, cùng với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thống nhất mức chi phí tại Điểm c, Khoản 2 Điều 5 và đưa vào hợp đồng điều hành giao thông, các dịch vụ hỗ trợ liên quan;

e) Đưa nội dung Quy chế này vào điều khoản thực hiện các hợp đồng liên quan đến kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt giữa ĐSVN và các doanh nghiệp.

7. Ban Tài chính Kế toán:

a) Quản lý thu, chi tiền bồi thường;

b) Hướng dẫn các đơn vị việc thu tiền bồi thường theo ủy quyền của ĐSVN.

8. Ban Quản lý KCHT Đường sắt:

a) Tham gia hội nghị phân tích BĐCT khi có yêu cầu;

b) Đưa nội dung Quy chế này vào hợp đồng giữa ĐSVN và các doanh nghiệp bảo trì, duy tu và xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt;

c) Hướng dẫn các Phân ban quản lý KCHT Đường sắt, các Công ty Cổ phần đường sắt, Thông tin tín hiệu và các Chi nhánh KTĐS quản lý, kiểm tra phát hiện các hoạt động ngoài ngành làm thiệt hại chậm tàu và tổn thất năng lực KCHTĐS;

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục cấp phép hoạt động có ảnh hưởng đến thực hiện BĐCT.

9. Ban Kiểm tra - Kiểm toán:

a) Chủ trì phối hợp với các Ban, các đơn vị thuộc ĐSVN tham mưu khởi kiện các tổ chức, cá nhân ra tòa khi cần thiết;

b) Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế.

Điều 18. Các đơn vị trực thuộc ĐSVN và các tổ chức, cá nhân có liên quan:

1. Các tổ chức, cá nhân trực thuộc ĐSVN:

a) Có trách nhiệm thông báo Quy chế này đến các đối tác trước khi ký hợp đồng, các văn bản thỏa thuận chấp thuận hoạt động liên quan đến thực hiện BĐCT; Đề xuất xem xét yêu cầu đình chỉ hoạt động hoặc chấm dứt hợp đồng đối với tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm bồi thường, thường xuyên vi phạm làm thiệt hại...

b) Theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị và ủy quyền của ĐSVN có trách nhiệm: Thực hiện chế độ thống kê báo cáo, thu nộp tiền bồi thường thiệt hại đúng quy định hiện hành; phổ biến nội dung Quy chế này cho toàn thể cán bộ công nhân viên; thông báo nội dung Quy chế này cho các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến thực hiện BĐCT trong khu vực quản lý biết.

2. Theo phân cấp và ủy quyền của ĐSVN phải đưa Quy chế này vào điều khoản thực hiện hợp đồng cụ thể, các văn bản liên quan đến thực hiện BĐCT do đơn vị ký kết, phát hành.

3. Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng với ĐSVN có trách nhiệm triển khai Quy chế này đến tập thể, cá nhân của tổ chức tham gia các hoạt động liên quan đến thực hiện BĐCT.

4. Trung tâm Điều hành vận tải Đường sắt:

a) Chỉ đạo các Phòng Điều hành vận tải: ghi chép đầy đủ số liệu thiệt hại; kịp thời phát hiện các vi phạm làm thiệt hại và báo cáo ĐSVN theo quy định;

b) Thống kê các đoàn tàu bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6. Hàng tháng gửi số liệu về ĐSVN để thông báo cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;

c) Tham gia phân tích BĐCT theo quy định;

d) Phối hợp với các Chi nhánh KTĐS cung cấp số liệu liên quan đến thiệt hại cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu để giải quyết bồi thường.

5. Các Chi nhánh Khai thác Đường sắt, Chi nhánh Ga Đồng Đăng:

a) Phối hợp với các đơn vị quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt kiểm tra, giám sát các hoạt động thi công công trình, thực hiện hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt phát hiện các vi phạm làm thiệt hại trong khu vực quản lý;

b) Theo ủy quyền của ĐSVN, phối hợp với cơ quan chức năng trong khu vực quản lý, thu hồi tiền bồi thường thiệt hại do các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho đường sắt;

c) Phân tích tập thể cá nhân trong đơn vị (khi có các vi phạm) và tham gia hội nghị phân tích thực hiện BĐCT khi có yêu cầu.

6. Các Chi nhánh XNĐM:

a) Quản lý lưu trữ và cung cấp dữ liệu vận dụng đầu máy khi có yêu cầu;

b) Phân tích các vi phạm của tập thể cá nhân trong đơn vị trong việc thực hiện BĐCT; tham gia hội nghị phân tích khi có yêu cầu;

c) Chỉ đạo lái tàu trong quá trình chạy tàu phát hiện và báo cáo kịp thời các vi phạm liên quan đến thực hiện BĐCT.

7. Người đại diện phần vốn của ĐSVN tại các công ty cổ phần vận tải chỉ đạo đơn vị phối hợp với Ban KHKD – ĐSVN xây dựng, thống nhất chi phí chậm đoàn xe tại điểm c, khoản 2, Điều 5 của quy chế này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này phải được đưa vào điều khoản thực hiện trong các hợp đồng, văn bản chấp thuận có liên quan đến thực hiện BĐCT.

2. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quy chế bồi thường chậm tàu và tổn thất năng lực kết cấu hạ tầng trong việc thực hiện BĐCT trên Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1583/QĐ-ĐS ngày 23/11/2016.

3. Trường hợp có những quy định mới của pháp luật có liên quan đến nội dung Quy chế này mà ĐSVN chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tập hợp bằng văn bản gửi về ĐSVN để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.